

TRÍCH YẾU LUẬN ÁN

Họ tên nghiên cứu sinh: Nguyễn Trọng Thiện

Tên đề tài luận án: “*Nghiên cứu chọn tạo hai dòng gà lông màu HTP và RTN*”

Ngành: Chăn nuôi;

Mã số: 9 62 01 05

Người hướng dẫn khoa học:

1. TS. Phùng Đức Tiến

2. PGS.TS. Phạm Doãn Lân

Tên cơ sở đào tạo: Viện Chăn nuôi

1. Mục đích và đối tượng nghiên cứu:

1.1. Mục tiêu nghiên cứu

- Chọn tạo được hai dòng gà lông màu:

Dòng trống HTP ($\frac{3}{4}$ gen gà Hồ, $\frac{1}{4}$ gen gà TP) theo hướng khối lượng cơ thể.

Dòng mái RTN ($\frac{3}{4}$ gen gà Ri, $\frac{1}{4}$ gen gà TN) theo hướng năng suất trứng.

- Đánh giá khả năng sản xuất con lai thương phẩm tạo ra giữa gà HTP và RTN.

1.2. Đối tượng nghiên cứu

- Gà : Ri (R2), TN3, Hồ, TP1; F1 (HTP), F1 (RTN)

- Gà HTP và RTN thế hệ xuất phát, thế hệ 1, thế hệ 2, thế hệ 3

- Con lai thương phẩm HTPRTN

2. Các phương pháp nghiên cứu đã sử dụng:

- Phương pháp xây dựng hệ thống thu thập số liệu: được thu thập thông qua số liệu cá thể, số liệu quần thể. Lập hệ phả cho từng dòng.

- Phương pháp chọn lọc: chọn lọc theo giá trị kiểu hình (thế hệ xuất phát, thế hệ 1), chọn lọc theo giá trị giống (thế hệ 2 và thế hệ 3)

- Phương pháp nhân dòng: ghép giao phối trong dòng theo hệ thống chuồng lồng cá thể. Luân chuyển tuần hoàn trống để tránh cận huyết.

- Phương pháp phân lô so sánh: Sử dụng phương pháp phân lô ngẫu nhiên một nhân tố để đánh giá khả năng cho thịt, ưu thế lai của con lai thương phẩm
- Phương pháp chăm sóc nuôi dưỡng: nuôi theo quy trình gà bản địa sinh sản và thương phẩm của Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương.
- Phương pháp theo dõi các chỉ tiêu: được xác định theo TCVN 13474-1:2022 và Bùi Hữu Đoàn (2011)
- Phương pháp xử lý số liệu: Các số liệu được thu thập và xử lý theo phương pháp thống kê sinh vật học và ANOVA trên phần mềm Excell; so sánh giá trị trung bình theo phương pháp Tukey ($P < 0,05$) bằng phần mềm Minitab 16.0. Xác định các tham số di truyền bằng phần mềm PEST 4.2.3, VCE 6.0.2. Phân tích hồi quy và khuynh hướng di truyền bằng menu SCATTER trên phần mềm Excel 2016.

3. Các kết quả chính và kết luận

Chọn tạo được hai dòng gà lông màu HTP và RTN

Dòng trống HTP: màu lông lúc trưởng thành con trống màu mận chín, con mái màu lá chuối khô sáng và màu cú. Đã cải tiến được tính trạng khối lượng 8 tuần tuổi, tiến bộ di truyền đối với con trống là 71,24 g/thế hệ; con mái là 67,87g/thế hệ, hệ số di truyền ở mức cao ($h^2=0,47$). Khối lượng kết thúc 8 tuần tuổi đến thế hệ 3: con trống đạt 1.244,89g (tăng 228,32g so với thế hệ xuất phát); con mái đạt 1.053,01g (tăng 198,24g so với thế hệ xuất phát). Khối lượng kết thúc 20 tuần tuổi đến thế hệ 3: con trống đạt 3.025,10g; con mái đạt 2.001,31g. Năng suất trứng ổn định đạt 106,94-107,64 quả/68 tuần tuổi. Các chỉ tiêu khác đều ổn định qua các thế hệ chọn lọc

Dòng mái RTN: màu lông lúc trưởng thành gà trống lông màu nâu đỏ tía, con mái lông màu vàng nâu, cườm cổ hoặc không cườm cổ. Đã cải tiến được tính trạng năng suất trứng đến 38 tuần tuổi, tiến bộ di truyền đạt được là 1,72 quả/thế hệ, hệ số di truyền ở mức trung bình ($h^2 = 0,25$). Năng suất trứng/68 tuần tuổi đến thế hệ 3 đạt 166,43 quả (tăng được 6,75 quả so với thế hệ xuất phát), tiêu tốn thức ăn/10 trứng là 2,65kg. Khối lượng kết thúc 20 tuần tuổi: con trống đạt 2,485,08-2.520,50g; con mái đạt 1.732,52-1.770,58g. Các chỉ tiêu khác đều ổn định qua các thế hệ chọn lọc.

Đánh giá được khả năng sản xuất con lai thương phẩm HTPRTN

Khả năng cho thịt và chất lượng thịt của con lai HTPRTN nuôi kết thúc 16 tuần tuổi: khối lượng cơ thể đạt 2.160,85g, ưu thế lai là 3,82%. Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng là 3,30kg, ưu thế lai là -3,49%. Thành phần hóa học của thịt đều nằm trong khoảng giới hạn về chất lượng thịt gà.

Con lai HTPRTN nuôi thử nghiệm ngoài sản xuất với tỷ lệ nuôi sống từ 91,33-92,67%. Khối lượng cơ thể kết thúc 16 tuần tuổi đạt 1.901,60-2.002,20g, tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng là 3,33-3,36kg.

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

Người hướng dẫn 1

Người hướng dẫn 2

Nghiên cứu sinh

TS. Phùng Đức Tiến

PGS.TS. Phạm Doãn Lâm

Nguyễn Trọng Thiện